TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 636/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Trần Quốc H2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2023, các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013, bà và ông Trần Quốc H2 kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống thì bà H1 và ông H2 phát sinh mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải, bà và ông H2 có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm 2015 cho

đến nay. Bà H1 xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông H2. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà H1 không thể đoàn tụ gia đình với ông H2, nay bà cương quyết ly hôn với ông H2 và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Trần Quốc H2.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, phải đi làm thuê không thể tham gia phiên họp và hòa giải được nên bà Nguyễn Thị Ngọc H1 yêu cầu xin vắng mặt không tham gia buổi hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm, ngoài ra bà H1 không có ý kiến gì khác.

Ông Trần Quốc H2 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập xét xử nhiều lần nhưng ông H2 vẫn không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

Ông Trần Quốc H2 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng ông H2 không cung cấp chứng cứ gì, ông H2 vắng mặt không có lý do. Nay căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2013, bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông Trần Quốc H2 chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 xác định không còn tình cảm dành cho ông H2 và bà H1 cương quyết ly hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông Trần Quốc H2 không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và ông Trần Quốc H2 đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Ông H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không tham gia tố tụng, cho thấy ông H2 không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Đối với yêu cầu của bà H1, ông H2 không có ý kiến gì. Xét cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ly hôn với ông Trần Quốc H2 là có cơ sở.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ly hôn với ông Trần Quốc H2.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003037 ngày 20/11/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã T,
huyện T, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng